

d) Xây dựng một đội ngũ cán bộ toán kinh tế đồng đảo gồm nhiều « binh chủng », chuyên môn sâu và hợp tác có hiệu quả, gồm cả các loại đại học và trên đại học.

Muốn làm được những việc trên, cần cải tiến và mở rộng hệ thống đào tạo cán bộ kinh tế và toán kinh tế hiện nay (đặc biệt là hệ thống các trường kinh tế).

Nên chú ý:

— Số cán bộ làm lý luận cơ bản không cần nhiều nhưng phải thật giỏi để có khả năng nắm được những thành tựu mới nhất của khoa học toán kinh tế, và giải quyết được các vướng mắc lý luận quan trọng trong quá trình vận dụng toán kinh tế.

— Cần có số cán bộ làm cầu nối giữa toán và kinh tế (nắm được tương đối cả hai lĩnh vực) để thực hiện hợp tác tốt nhất; số này thực tế sẽ chủ trì các nghiên cứu ứng dụng quan trọng.

— Lực lượng ứng dụng phải thật đồng đảo, và gồm nhiều loại chuyên môn khác nhau.

Vì phải xem đây là một mũi nhọn, nên cần có chính sách thích hợp về đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ toán kinh tế, thu hút được nhiều người giỏi vào lĩnh vực này, và phát huy hết năng lực và tinh thần phục vụ của cán bộ.

4. Bảo đảm về lý luận và thông tin:

a) Về lý luận toán kinh tế, cần bảo đảm giải

quyết được mọi vấn đề do thực tiễn trong nước nêu ra (bao gồm cả việc xây dựng hệ thống các mô hình toán kinh tế và các phương pháp xử lý). Do đó phải tăng cường Viện Kinh tế (bổ sung thêm cán bộ toán kinh tế cho Viện này), Trung tâm tính toán, Viện Toán học, và tiến tới thành lập một trung tâm nghiên cứu toán kinh tế.

Nếu ta muốn có nhiều sáng tạo độc đáo trong việc ứng dụng toán kinh tế, thì việc bảo đảm lý luận này là hết sức quan trọng.

b) Về thông tin, cần bảo đảm thường xuyên có đủ sách, báo, tài liệu khoa học mới nhất của nước ngoài về lĩnh vực này, và cần cố gắng tham gia các hội nghị khoa học quốc tế, mạn đàm phát triển các liên hệ quốc tế (trao đổi, thực tập, khảo sát, v.v...) trên lĩnh vực này. Đồng thời, nên tổ chức giới thiệu rộng rãi và kịp thời những kinh nghiệm, thành tựu của nước ngoài, đẩy mạnh biên dịch và xuất bản tài liệu tham khảo về toán kinh tế ở trong nước.

Công tác này mang lại lợi ích rất lớn so với chi phí bỏ ra. Trong thời đại hiện nay, không có bảo đảm về thông tin thì không thể tiến hành các hoạt động khoa học kỹ thuật một cách có hiệu quả, và điều đó càng đúng đối với toán kinh tế là một ngành khoa học đang phát triển rất nhanh.

MỘT SỐ SUY NGHĨ VỀ

VIỆC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ MIỀN NÚI TÂY-BẮC

ĐÀO VĂN TIẾN

Miền Bắc có trên 11 triệu hecta rừng (chiếm 70% diện tích đất đai) và một nguồn lợi lâm sản đáng kể. Theo số liệu điều tra, khoảng 75% diện tích rừng trước kia đã biến thành đồi trọc hay nương rẫy, và trong số rừng còn lại cũng chỉ có 30% là rừng tốt, còn lại là

rừng thứ sinh gồm cây gỗ pha tạp tre nứa hoặc thuần tre nứa.

Do đó, nội dung chính của nghề rừng, trước hết là khai thác luân phiên các rừng tre nứa có thể khai thác, tu bổ các rừng tre nứa đã bị kinh tế nương rẫy hủy hoại từng phần,

đồng thời trồng những cây gỗ lớn ở những đồi trọc và nương rẫy bỏ hoang.

Tây-bắc có khoảng trên một triệu hecta là nương dốc từ 30 độ trở xuống, phần lớn là đất đỏ, thoảng, thích hợp với sự sinh trưởng của các cây công nghiệp.

Dự kiến trồng cây công nghiệp của khu Tây-bắc, một phần dựa trên các cây mọc tự nhiên (chè, cây thuốc...) nhưng phần lớn dựa vào cây trồng của nhân dân từ lâu đời theo kinh tế tự cung tự cấp thời phong kiến. Theo ý chúng tôi, cần kết hợp chặt chẽ việc trồng cây công nghiệp với việc gây rừng. Các cây công nghiệp phải chọn thế nào để vừa cho nguyên liệu công nghiệp, vừa giúp việc gây lại rừng. Nói cách khác, các cây công nghiệp này phải làm thành những rừng cây gỗ trên từng khu vực lớn góp phần thực sự cho việc phục hồi thiên nhiên. Một khu Tây-bắc với những rừng thiên nhiên được phục hồi có giá trị kinh tế về nhiều mặt hơn hẳn một khu Tây-bắc có trồng cây chuyên canh mặc dù giống cây đó có giá trị công nghiệp lớn.

Phải chú ý là kỹ thuật hiện đại ít khi phù hợp với tình trạng sinh học thực tế của đất đai nhiệt đới, có thể vi phạm nghiêm trọng tới cân bằng sinh thái, và hậu quả của nó sớm hay muộn sẽ ảnh hưởng đáng kể tới kinh tế và cuối cùng tới đời sống con người.

Việc xác định cây công nghiệp nên dựa theo các loại cây thiên nhiên đặc sản của địa phương với sự phân bố sẵn có của chúng. Kinh nghiệm trồng trọt của nhân dân chỉ có tính chất tham khảo, vì cây trồng thành công trên diện tích nhỏ không phải sẽ mở rộng dễ dàng trên diện tích lớn do địa hình và tiểu khí hậu thay đổi khá lớn trong từng vùng ở khu Tây-bắc. Trước mắt có thể chú ý tới một số cây sau: các loại tre nứa như vầu, bương, luồng, trúc cần câu; vài cây có dầu như đen, lai, trâu, sỏ, dọc, bạch đàn...; vài cây có sợi như bông... Tất nhiên, danh sách này có thể bổ sung sau khi đã có thêm số liệu về tài nguyên thực vật khu Tây-bắc.

Nếu quan niệm về tính chất của cây trồng công nghiệp như trên, thì chủ yếu nó sẽ thuộc phạm vi nghề rừng tức thuộc sự quản lý của các phòng lâm nghiệp địa phương. Hiện nay, việc phân công quản lý cây công nghiệp giữa hai bộ phận lâm nghiệp và nông nghiệp chưa rõ ràng, dứt khoát. Mặt khác, quan niệm này sẽ giải quyết được mâu thuẫn giữa kinh tế nông nghiệp và lâm nghiệp ở một số nơi, chấm dứt được tình trạng đã xảy ra tuy không phổ biến là có hợp tác xã (Mộc-châu) đã tiến hành phá rừng gỗ để trồng bông.

Cho đến nay, một thành phần khác của nghề rừng Tây-bắc cũng như của toàn nước ta chưa được chú trọng đúng mức là động vật rừng. Chim, thú rừng là nguồn lâm sản trị giá ngang với cây gỗ ở nhiều nước (Đông Đức, Tiệp-khắc...). Đây là các loại chim thú săn bắn có thể cho thịt, da, da lông, có thể là nguồn giải trí cho nhân dân lao động và nguồn hàng xuất khẩu quý cho Nhà nước.

Khu Tây-bắc không thiếu các loài chim, thú rừng săn bắn như gà rừng, cu ngói, cu gáy, lợn rừng, hoẵng, nai..., và chim, thú rừng hiếm quý như công, gà lôi, gà sao, cà rá, vượn bạc má, voi, bò tót (1)... Tây-bắc cũng có một số loài thú cho da lông có thể dùng trong nội địa hay xuất khẩu.

Về chăn nuôi, dự kiến các gia súc định phát triển trong kế hoạch kinh tế của hai tỉnh Sơn-la và Lai-châu, và của cả khu, là lợn, trâu, bò... Mặc dù cũng có nhận định là trâu hiện nay chỉ cần nuôi để lấy sức kéo, không có triển vọng trong tương lai bằng bò. Theo riêng chúng tôi, nếu tham khảo chăn nuôi cổ truyền của nhân dân cũng như theo tình hình thiên nhiên của khu này, thì các loại gia súc thích hợp nhất cho địa phương là bò, dê, ngựa.

Bò là gia súc thích hợp nhất với điều kiện thiên nhiên hiện nay của Tây-bắc (chịu khô hạn, chịu rét...). Ở các cao nguyên có thể nuôi bò sữa, còn ở các vùng thấp có thể nuôi bò thịt và bò kéo (trong tương lai, sẽ thay hẳn cho trâu trong việc này). Trâu chỉ thích hợp với một vài địa phương ở ven sông Mã hay sông Đà, cho nên không phải là gia súc chiến lược của địa phương.

Dê là gia súc thích hợp với miền núi nói chung, có rừng thứ sinh pha tạp với nhiều loại cây bụi. Dê ăn tới hàng trăm loại lá cây khác nhau. Dê có thể nuôi phổ biến ở mọi nơi. Nuôi dê không tốn công chăn dắt và không phải lo khâu thức ăn. Đây là loại gia súc có sừng có nhiều triển vọng.

Ngựa cũng là gia súc có vị trí chiến lược không kém bò. Ngựa là con vật được nuôi phổ biến từ lâu đời ở vùng cao để làm phương tiện vận tải và giao thông. Sự liên lạc giữa các bản trước kia, hiện nay và sau này vẫn

(1) Bò tót là loài bò có giá trị khoa học rất lớn. Đây là loài bò rừng to nhất thế giới (bề cao vai tới 1,9 m), to hơn cả bò rừng châu Âu. Hiện nay một con bò rừng châu Âu trị giá 25 000 đôla, một con vượn bạc má 120 đôla, một con voi 1 500 đôla.

rất cần tới ngựa, vì ngựa, nhất là giống ngựa Việt-nam, nhỏ mình, dai sức, bước gọn, thích hợp với việc leo trèo đường hiểm bên dốc núi và đường hẹp của bờ ruộng. Cũng như bò, ngựa chịu gió và chịu rét khá giỏi. Ngựa còn cho thịt và da có phẩm chất tốt hơn so với bò. Hiện nay, ngựa tuy chỉ là gia súc chăn nuôi cá thể nhưng đã có số đầu đáng kể. Riêng tỉnh Sơn-la có khoảng 6000 con. Đây là cái vốn tốt cho việc xây dựng cơ sở chăn nuôi lớn nhằm bảo đảm trước hết cho việc giao thông vận tải rất phát triển của nền kinh tế Tây-bắc sau này, sau nữa để cung cấp giống cho các miền núi khác. Trong tương lai, ngựa là phương tiện giao thông vận tải chủ yếu trên đường bộ, thuyền bè là phương tiện giao thông vận tải chủ yếu trên đường thủy (sông Đà). Một phần lớn lao động địa phương trong khâu này sẽ trở thành lao động bốc vác và vận chuyển.

Riêng lợn không phải là loài gia súc thích hợp với khu Tây-bắc. Thức ăn thô, nhất là thức ăn tinh cho lợn rất khó kiếm ở nơi đây. Do đó lợn nuôi của đồng bào nói chung, mặc dù được chăm sóc tốn công, nhưng tăng trưởng rất chậm. Lợn được nuôi chủ yếu là để lấy mỡ. Trong tương lai, theo ý riêng chúng tôi, chất béo có thể lấy ở thực vật và chất prôtêin có thể lấy một phần ở gia súc có sừng chăn nuôi, một phần ở thú rừng nuôi bán thiên nhiên.

Nuôi thú rừng bán thiên nhiên là một hình thức chăn nuôi với qui mô lớn mà khu Tây-bắc có thể thực hiện được. Một số loài có guốc (voi, bò tót, hươu, nai, lợn rừng, sơn dương...) theo kinh nghiệm nhiều nước, đều có thể nuôi bán thiên nhiên. Nhiều khoảng rừng tạp, thưa, xen kẽ với các đồi cỏ lau lách là những khu rất thuận lợi cho sự sinh sống của các loài vật nói trên. Các nương rẫy bỏ hoang, có cỏ dại mọc khỏe, gây khó khăn cho cây trồng, đều có thể sử dụng vào việc này. Kinh nghiệm của một số nước châu Phi chỉ nuôi thú có guốc bằng cỏ dại cũng đạt kết quả tốt về tăng trưởng và tăng trọng.

Thực tiễn các nước đó đã chứng tỏ, thú rừng không những đã cung cấp khối lượng quan trọng prôtêin mà còn ít bị dịch so với gia súc. Vì vậy, đây là một biện pháp có nhiều triển vọng để tăng lượng đạm trong khẩu phần thức ăn. Giả thiết mỗi bản gồm khoảng 20 hộ với 100 người quản lý khoảng 100 lợn rừng, mỗi con trung bình nặng 100 kg, hằng năm sẽ có 30 tạ thịt, vượt quá lượng thịt cung cấp hằng năm của lợn nuôi hiện nay.

Một số khu nuôi thú rừng bán thiên nhiên

có thể sử dụng làm khu săn bắn cho khách du lịch để lấy ngoại tệ. Vài loài thú có guốc quý (voi, bò tót...) còn là nguồn hàng xuất khẩu có giá trị lớn của ta.

Một hình thức sử dụng thiên nhiên của khu Tây-bắc để tăng thu nhập cho địa phương là mở những khu du lịch. Một khu du lịch điển hình đòi hỏi thiên nhiên còn giữ nguyên tính chất tự nhiên với giới sinh vật chưa bị tác động nhiều bởi con người. Đặc biệt các khách ngoài nước rất ưa chuộng các khu thiên nhiên vùng nhiệt đới. Ở các nước họ, chủ nghĩa tư bản phát triển qua hằng trăm năm đã phá hoại hầu hết các khu rừng rậm với giới sinh vật phong phú. Phần lớn các khu du lịch ở các nước này là những khu thiên nhiên « nhân tạo », không thỏa mãn yêu cầu của con người ở thời đại công nghiệp đang muốn tăng cường tiếp xúc với thiên nhiên « nguyên chất ».

Một thành phần không thể thiếu được của cơ cấu kinh tế khu Tây-bắc là công nghiệp, trước mắt là công nghiệp chế biến sản phẩm lâm nghiệp và nông nghiệp. Về nguyên tắc, không thể xây dựng được xã hội chủ nghĩa ở khu Tây-bắc nếu không có cơ sở công nghiệp, mặc dù chỉ là công nghiệp nhẹ.

Xét về đất đai Tây-bắc với hiện tượng latêrit hóa khấp khểnh, thổ nhưỡng không thuần nhất, độ dốc cao, thời tiết thất thường, việc cơ khí hóa và hóa học hóa nông nghiệp không phải là điều dễ dàng. Chỉ có riêng nông nghiệp, kể cả nông nghiệp đã hiện đại hóa, cũng không thể bảo đảm cho ba cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa tiến hành thuận lợi.

Do tình hình tổ chức xã hội trước kia của khu Tây-bắc, cũng như nhiều khu miền núi của nước ta, cuộc cách mạng quan hệ sản xuất tiến hành không khó khăn lắm, nhưng hai cuộc cách mạng sau gặp rất nhiều trở ngại. Xây dựng cơ sở công nghiệp sẽ tạo điều kiện để vượt các trở ngại trên. Việc xây dựng công nghiệp sẽ thúc đẩy sự hình thành các ngành kinh tế khác như giao thông vận tải, xây dựng cơ bản, công nghiệp năng lượng... góp phần lớn vào việc xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật cho chủ nghĩa xã hội ở miền núi.

Sự phát triển công nghiệp ở Tây-bắc sẽ giải quyết tốt việc chuyển hướng của lao động nông nghiệp lạc hậu với tính chất du canh du cư, sang lao động công nghiệp, bước đầu là thủ công nghiệp tức lao động kĩ thuật tập trung. Chính bằng cách này, ta sẽ phát triển được khả năng tiềm tàng của thủ công nghiệp ở miền núi. Một số dân tộc Tây-bắc đều có truyền thống thủ công rất khác, như nghề mộc

của dân tộc Mèo, đan lát của dân tộc Xá, dệt thổ cẩm với các loại hoa văn độc đáo của dân tộc Thái...

Hiện nay, một số lâm sản đã hoặc dự định khai thác (tre, nứa, gỗ...) gặp nhiều khó khăn trong khâu vận chuyển. Các rừng khai thác nói chung ở độ cao với độ dốc khá lớn. Đường bộ và đường thủy đều không thuận lợi. Công nghiệp chế biến tại chỗ sẽ góp phần giải quyết khó khăn này. Có thể xây dựng các công nghiệp chế biến như: tre, nứa, mây song để làm giấy, làm đồ dùng sinh hoạt, hàng xuất khẩu (cần câu, đồ mỹ nghệ...), sợi thực vật thành vải tiêu dùng và đồ mỹ nghệ (thổ cẩm...), da thú vật để làm đồ dùng sinh hoạt (yên ngựa, ủng, giày...), chế biến thực phẩm (sữa, thịt) với ngành chăn nuôi đã công nghệ hóa, dầu thực vật dùng trong sinh hoạt và dược liệu (tinh dầu, cây thuốc...), chè, quả để dùng trong nội địa và xuất khẩu. Đại bộ phận sản phẩm chế biến có thể dùng cho miền xuôi và làm hàng xuất khẩu.

Hiện nay, các tỉnh đang tiến hành việc phân vùng kinh tế trên cơ sở điều tra cơ bản thổ nhưỡng, khí hậu, thủy văn và kinh nghiệm trồng trọt của nhân dân địa phương.

Theo ý chúng tôi, dự kiến phân vùng của tỉnh Sơn-la, và các huyện Sông Mã, Yên-châu... còn bị cắt xén. Huyện nào cũng có vùng lúa, vùng cây công nghiệp, vùng chăn nuôi. Nhưng huyện nào cũng có một vài xã không xếp được vào vùng đã qui định vì cũng làm lúa, làm cây công nghiệp và chăn nuôi (huyện Yên-châu). Rõ ràng, cách phân vùng này vẫn mang vết tích của nền sản xuất nhỏ không đáp ứng được yêu cầu của nghị quyết Hội nghị lần thứ 19 Ban chấp hành trung ương Đảng. Chỉ có một số ít cao nguyên tương đối rộng (Mộc-châu, Nghĩa-lộ...) là có thể qui thành vùng trồng cây công nghiệp hay chăn nuôi qui mô lớn.

Theo ý chúng tôi, cần tiến hành tập hợp số liệu điều tra về thổ nhưỡng cây trồng, bổ sung thêm số liệu về phân vùng thực vật và động vật, hiện nay còn thiếu, để phân khu Tây-bắc thành những vùng thiên nhiên tương đối rộng, và trên cơ sở đó, qui vùng kinh tế cho thích hợp, không quá lệ thuộc vào ranh giới hành chính của huyện, tỉnh hiện nay. Làm như vậy, mới có thể tạo một sự chuyển biến mạnh mẽ trong cơ cấu trồng trọt và chăn nuôi thích hợp với địa hình rộng lớn của khu Tây-bắc, xóa bỏ được vết tích của nền kinh tế tự cung tự cấp trước kia. Có thể sau này, trên cơ sở phân vùng kinh tế, sẽ xét lại ranh giới của các huyện, tỉnh để việc quản lý được tiện lợi.

Về vấn đề lương thực của khu Tây-bắc, đã có chỉ thị của Trung ương Đảng, trong vòng vài năm tới, phải tiến tới tự túc lương thực: các tỉnh Lai-châu, Nghĩa-lộ từ năm 1972 và Sơn-la từ năm 1973. Theo chỗ chúng tôi được biết, phương hướng tự túc lương thực của địa phương là thâm canh ruộng lúa nước và bổ sung thêm màu của nương rẫy, và như vậy việc phá rừng làm nương còn phải duy trì trong vòng 20 — 30 năm nữa!

Toàn khu Tây-bắc có 4 vạn hecta ruộng, trong đó 3 vạn hecta ruộng nước làm 2 vụ, 1 vạn hecta chờ nước trời, và khoảng 15 vạn hecta nương rẫy. Năng suất lúa và màu trung bình 1,5 tấn/ha. Với năng suất hiện nay, muốn tự túc lương thực cho toàn khu phải khai phá thêm khoảng 1,5 vạn hecta, trong vòng 2—3 năm. Việc thâm canh lúa trên nhiều vùng gặp nhiều khó khăn trong việc nâng cao năng suất. Do địa hình không thuận lợi, nguồn nước hiếm, độ dốc rất cao, việc tiến hành thủy lợi hóa, cơ khí hóa và hóa học không dễ dàng.

Về mặt thổ nhưỡng, nhiều vùng đất có đá vôi ngầm thấm nước, đất bị phong hóa ở nhiều chỗ và độ dốc thường lớn hơn 15°. Khí hậu gồm hai mùa rõ ràng: mùa mưa vào tháng 4 đến tháng 9 và mùa khô vào tháng 10 đến tháng 4 năm sau. Riêng tháng 3—4 có gió mùa Tây-nam rất nóng và không khí rất khô (độ ẩm 5%).

Vấn đề nâng cao năng suất ruộng lúa gặp nhiều khó khăn nên việc tự túc lương thực phải chủ yếu dựa vào mở rộng diện tích nương rẫy. Như vậy, trong các năm tới, nền nông nghiệp Tây-bắc về cơ bản vẫn là kinh tế nương rẫy. Năng suất nương rẫy lại thấp và chưa ổn định. Việc gieo trồng chỉ được 1—2 vụ, vụ đông xuân hoàn toàn bỏ hóa. Ở đây, hiện tượng xói mòn đất tương đối nghiêm trọng. Người ta đã theo dõi một nương lúa qua một năm, thấy rằng đất bị bào mòn một lớp dày 1,5 — 2,5 cm với lượng đất màu tương đương 250 — 400 tấn/ha. Bởi thế, các nương phần lớn chỉ gieo trồng được 1 — 2 vụ là phải bỏ hoang. Không những thế, cỏ dại phát triển rất nhanh uy hiếp nghiêm trọng cây trồng. Theo Bùi Quang Toàn, cùng gieo một lúc, cỏ lông vược (*Echinochloa*), sau 51 ngày, có trọng lượng toàn thân gấp 23,7 lần cây lúa nương, nếu cắt chừa lại 10 cm gốc, sau 27 ngày, trọng lượng thân lá mọc lại gấp 52,8 lần cây lúa. Tây-bắc có tới 15 họ cỏ dại gồm hơn 200 loài.

Theo ý chúng tôi, phương hướng tự túc lương thực của khu Tây-bắc phải một phần dựa vào việc tăng năng suất ở các vùng ruộng lúa nhưng phần lớn dựa vào việc khai thác

và chế biến lâm sản và nông sản (chủ yếu sản phẩm chăn nuôi) nhằm trao đổi lương thực với miền xuôi. Chỉ bằng cách này, ta mới có thể xóa bỏ dần kinh tế nương rẫy, một hình thức sản xuất nông nghiệp rất lạc hậu, hoàn toàn xa lạ với chủ nghĩa xã hội. Việc xóa bỏ kinh tế nương rẫy sẽ chấm dứt tình trạng du canh du cư, tạo điều kiện thuận lợi cho việc hợp tác hóa. Mặt khác, cũng sẽ phát triển được ba ưu thế của miền núi góp phần đắc lực cho việc xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật cho miền núi. Điều này sẽ cải biến nhanh chóng người nông dân với lao động hiện nay rất thấp, thành người công nhân nông nghiệp và lâm nghiệp, người lao động thủ công, tức các loại lao động có kĩ thuật, có năng suất cao của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Tóm lại, chỉ có xóa bỏ hẳn kinh tế nương rẫy mới có thể thực hiện được ba cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền núi, đưa miền núi tiến nhanh đến chủ nghĩa xã hội. Nếu theo phương hướng xây dựng và phát triển kinh tế như trên, thì nội dung của việc di cư lên miền núi không phải là vỡ hoang để giải quyết yêu cầu về lương thực mà là cung cấp cho miền núi các lao động chăn nuôi, trồng trọt có tính chất công nghiệp, các lao động thủ công nhằm góp phần xây dựng công nghiệp và cải biến tính chất lao động nông nghiệp lạc hậu hiện nay của các dân tộc ít người thành lao động có tính chất công nghiệp, lao động đặc trưng của chủ nghĩa xã hội.

Sau đây là một số biện pháp bước đầu:

1. Kien toan cac doi qui vung kinh te cua dia phuong (bổ sung thêm cán bộ sinh học) để dưới sự lãnh đạo của Ban qui vung nông nghiệp trung ương, tập hợp các dự kiến qui vung của huyện, tỉnh, nhằm sơ bộ phác thảo những vùng kinh tế lớn liên huyện hay liên tỉnh.

2. Trồng gáp một số cây công nghiệp đã được thử thách trong điều kiện khí hậu và thiên nhiên Tây-bắc trên vùng rộng lớn, trên một số nơi dự kiến sẽ không thay đổi sau này (cây có dầu, cây có sợi, chè...).

3. Xây dựng một số trại giống nhằm gây lại các động vật đặc sản: ngựa, dê, bò...

4. Khoanh một số khu thiên nhiên dự kiến sẽ làm khu du lịch, săn bắn.

5. Chuẩn bị cơ sở vật chất kĩ thuật cho công nghiệp chế biến một số lâm sản và lương thực thực phẩm (tre, nứa, sợi, sắn, sữa...).

6. Đặt cơ sở cho viện nghiên cứu sinh học miền núi Tây-bắc. Đất đai, khí hậu, thiên nhiên khu Tây-bắc rất phức tạp, đòi hỏi cấp bách tiến hành công tác điều tra cơ bản về các mặt thổ nhưỡng, khí hậu và sinh học. Vì vậy, ngay từ giờ có thể nghĩ tới việc thành lập một cơ sở nghiên cứu về sinh học cho địa phương để thu thập trong vài năm tới, những số liệu khoa học cơ bản cần thiết cho việc qui vùng thiên nhiên và qui vùng kinh tế chính xác, cần thiết cho việc lựa chọn cây trồng công nghiệp thích hợp, và cho việc tuyển chọn giống và cải thiện công tác chăn nuôi các gia súc và động vật khác nhằm hướng nâng cao năng suất và phẩm chất.

Chỉ bằng những biện pháp trên, ta mới có cơ sở để xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế lâu dài của khu Tây-bắc, bảo đảm việc xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở nơi này.

Nhìn chung, có xây dựng và phát triển kinh tế theo hướng phát triển nghề rừng toàn diện, bao gồm cả công nghiệp chế biến và kinh tế khu du lịch và săn bắn, đây mạnh chăn nuôi các loài động vật đặc sản theo qui mô lớn, miền núi mới có thể nhanh chóng trở nên giàu có. Tới lúc đó, kinh tế miền núi sẽ bổ sung thích đáng cho kinh tế nông nghiệp tiên tiến và công nghiệp hiện đại ở miền xuôi làm cho riêng miền Bắc cũng sẽ có một thể kinh tế tổng hợp khá mạnh mẽ.